

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN L- ONG TÀI
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/HS-ST
Ngày 15/8/2018

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN L- ONG TÀI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Minh Phương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Khôi

Ông V1Văn Vùng

- Th- ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phú - Thẩm tra viên.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Lương Tài tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 15/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện L- ong Tài, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2018/TLST- HS ngày 11/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn D - sinh năm 1972

HKTT: X – Y – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và con bà Nguyễn Thị P ; Có vợ và 2 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 03/5/2018 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. Phí Đức H - sinh năm 1988

HKTT: Thiên Lộc – Trung Chính – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phí Đ Vui và con bà Trần Thị D ; Có vợ và 1 con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam (có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Đình Đ - sinh năm 1983

HKTT: X – Y – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình C và con bà Nguyễn Thị L ; Có vợ và 3 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm

2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 03/5/2018 được tại ngoại(có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Đức C - sinh năm 1975

HKTT: X – Y – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức Th và con bà Nguyễn Thị K; Có vợ và 2 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 03/5/2018 được tại ngoại(có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Đức P - sinh năm 1994

HKTT: X – Y – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức L và con bà Nguyễn Thị L ; Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 03/5/2018 được tại ngoại(có mặt tại phiên tòa).

6. Nguyễn Xuân T - sinh năm 1985

HKTT: X – Y – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân T và con bà Nguyễn Thị L ; Có vợ và 1 con, sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 03/5/2018 được tại ngoại(có mặt tại phiên tòa).

7. Nguyễn Thế V - sinh năm 1975

HKTT: X – Y – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thế C và con bà Nguyễn Thị M ; Có vợ và 4 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/5/2018 đến ngày 03/5/2018 được tại ngoại(có mặt tại phiên tòa).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trần Văn C – Sinh năm 1963 (có mặt)
 2. Anh Nguyễn Đức T – Sinh năm 1988 (có mặt)
 3. Anh Nguyễn Xuân Đ – Sinh năm 1973 (có mặt)
 4. Anh Hoàng Văn H – Sinh năm 1976 (có mặt)
 5. Anh Nguyễn Xuân Th – Sinh năm 1982 (có mặt)
 6. Anh Nguyễn Thế V1– Sinh năm 1982 (có mặt)
- Cùng TT: X – Y – C – Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 1 giờ ngày 01/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hện C phối hợp với Công an xã Y bắt quả tang tại nhà Trần VănD tại X, Y, C có 02 bàn bạc, cụ thể:

Bàn bạc thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 30/4/2018, sau khi ăn cỗ cưới nhà ông Trần Văn Dũng (là anh trai của Trần VănD), các đối tượng Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức C, Nguyễn Đình Đ , Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thế V và Phí Đức H rủ nhau cùng sang nhàD để đánh bạc, hình thức chơi sóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. Các đối tượng sử dụng bát, đĩa sứ có sẵn ở nhàD để làm công cụ sóc đĩa và dùng vỏ bao thuốc lá vinataba cắt thành 04 quân hình tròn có 02 mặt trắng và vàng để làm quân vị. Khi bắt đầu đánh bạc các đối tượng thống nhất, đặt cửa thấp nhất là 100.000đ, cao nhất tùy thuộc vào người chơi. Khi người sóc cái mở ra có 03 quân lật cùng màu, một quân lật khác màu thì là lẻ, nếu có 02 quân hoặc 04 quân lật cùng màu thì là chẵn. Khi đánh bạc Phí Đức H là người sóc cái cho các đối tượng. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng gần 1 giờ ngày 01/5/2018 thì bị Công an Hện bắt quả tang, khi bắt quả tang, lợi dụng sơ hở H đã bỏ chạy. Quá trình đánh bạc các đối tượng sử dụng tiền để đánh bạc như sau:

Nguyễn Đức P có 1.300.000đ, P sử dụng toàn bộ số tiền đó để đánh bạc, khi Công an vào bắt quả tang P thua mất 300.000đ, còn 1.000.000đ để trên người và bị Công an thu giữ.

Nguyễn Đức C có 1.640.000đ và đã sử dụng toàn bộ số tiền đó để đánh bạc, khi Công an vào bắt C không thua, không thắng. Toàn bộ số tiền đánh bạc 1.640.000đ C để trên người và bị thu giữ.

Nguyễn Đình Đ có 22.200.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền đó để đánh bạc. Khi đánh bạc Đ thua mất 1.200.000đ, số tiền còn lại là 21.000.000đ Đ để trên người và bị Công an thu giữ.

Nguyễn Xuân T có 550.000đ, T sử dụng toàn bộ số tiền đó để đánh bạc. Ban đầu đánh bạc T thắng và cho V vay 1.000.000đ để đánh bạc, số còn lại T sử dụng hết vào để đánh bạc và bị thua nên T lên ghế ngồi chơi, còn 90.000đ tiền lẻ T để trên người không sử dụng để đánh bạc và bị thu giữ.

Nguyễn Thế V có 300.000đ, vay thêm T 1.000.000đ và sử dụng toàn bộ 1.300.000đ để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, V thắng được 200.000đ. Toàn bộ số tiền đánh bạc, thắng bạc là 1.500.000đ V để trên người và bị thu giữ.

Phí Đức H vừa sóc cái giúp cho các con bạc đồng thời trực tiếp tham gia đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc có 1.310.000đ, H sử dụng 1.000.000đ để đánh bạc, số tiền còn lại 310.000đ H không sử dụng để đánh bạc mà để chi tiêu gia đình. Quá trình đánh bạc H thắng bạc, khi Công an vào bắt quả tang H cầm 2.080.000đ là số tiền H dùng để đánh bạc và thắng bạc bỏ chạy. Đến ngày 03/5/2018, H đến Công an Hện theo giấy triệu tập để khai báo về hành vi đánh bạc của mình và tự nguyện nộp lại số tiền là 2.080.000đ.

Như vậy tổng số tiền mà các đối tượng sử dụng để đánh bạc, hình thức đánh sóc đĩa là: 30.020.000đ (trong đó có 2.800.000đ thu tại chiếu bạc và 27.220.000đ thu trên người các con bạc sử dụng để đánh bạc).

Bàn bạc thứ hai: Trong khi các đối tượng đang chơi sóc đĩa ở gian giữa phòng khách nhàD thì có các đối tượng Trần Văn C, Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân Đ, Hoàng Văn H và Nguyễn Xuân Th đến nhàD chơi và xem đánh bạc. Sau đó các đối

trượng này cùng rủ nhau đánh bạc, hình thức đánh liêng và đi xuống gian nhà ngang của nhà D để chơi bạc. Các đối tượng sử dụng bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở nhà D để làm công cụ đánh bạc, quy định mức độ sát phạt là: Vào gà 10.000đ, tổ cao nhất là 30.000đ, sấp 30.000đ, đồng hoa là 20.000đ. Quá trình đánh bạc các đối tượng đã sử dụng tiền để đánh bạc như sau:

Trần Văn C có 1.200.000đ, sử dụng 200.000đ để đánh bạc, còn 1.000.000đ C không sử dụng để đánh bạc mà để mừng đám cưới nhà ông Dũng. Khi đánh bạc C thắng bạc được 380.000đ. Toàn bộ số tiền đánh bạc, thắng bạc là 580.000đ C để trên người và bị thu giữ.

Hoàng Văn H có 700.000đ, sử dụng toàn bộ số tiền đó để đánh bạc, đến khi Công an vào bắt quả tang H bị thua 100.000đ, còn 600.000đ để trên người và bị thu giữ.

Nguyễn Đức T có 900.000đ, đã sử dụng 600.000đ để đánh bạc, còn 300.000đ T để ngày hôm sau mừng đám cưới nhà ông D. Quá trình đánh bạc T bị thua mất 90.000đ. Còn lại 510.000đ T để trên người và bị thu giữ.

Nguyễn Xuân Th có 400.000đ, và sử dụng toàn bộ số tiền đó để đánh bạc. Khi đánh bạc Th bị thua (không rõ là bao nhiêu), số tiền còn lại Th để dưới chiếu bạc.

Nguyễn Xuân Đ có 100.000đ và sử dụng toàn bộ số tiền đó để đánh bạc, khi Công an vào bắt quả tang thì Đ đang thắng, nhưng không rõ là bao nhiêu. Toàn bộ số tiền đánh bạc và thắng bạc Đ để dưới chiếu bạc và bị thu giữ.

Khi các đối tượng đang đánh liêng thì có Nguyễn Thế V1 cũng vào tham gia đánh bạc cùng. Khi đánh bạc V1 có 20.000đ, đã sử dụng toàn bộ số tiền đó để đánh bạc và thua hết nên V1 đã ra về trước khi Công an vào bắt quả tang.

Như vậy tổng số tiền các đối tượng đánh bạc ở bàn bạc thứ hai là: 2.490.000đ, trong đó có 800.000đ thu trên chiếu bạc và 1.690.000đ thu trên người các con bạc sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Đối với Trần Văn D khai nhận: Khi các đối tượng đánh bạc tại nhà D thì gia đình D không có ai ở nhà vì ngày hôm đó ông Trần Văn Dũng là anh trai của D tổ chức cưới con nên nhà D mở cửa cho khách ăn cỗ có thể ra vào để nghỉ. Đến khoảng gần 22 giờ ngày 30/4/2018, khi D về đến nhà thì thấy có hai bàn bạc tại nhà mình. Ở gian giữa phòng khách có các đối tượng Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức C, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thế V và Phí Đức H đang đánh bạc, hình thức đánh sóc đĩa; ở nhà ngang có các đối tượng Trần Văn C, Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân Đ, Hoàng Văn H và Nguyễn Xuân Th đang đánh liêng. Sau đó D có nhắc nhở mọi người nghỉ không chơi, nhưng các đối tượng xin D cho chơi tiếp. Do nể nang các đối tượng đánh bạc đều là anh em con cháu trong nhà nên D đã đồng ý cho các đối tượng đánh bạc và không thu tiền hồ. Sau đó D đứng xem các đối tượng đánh sóc đĩa đến khoảng gần 01 giờ ngày 01/5/2018 thì Công an Hện bắt quả tang.

Tại bản cáo trạng số: 33/2018/CTr – VKS - LT ngày 09/7/2018 của VKSND Hện L- ông Tài đã truy tố Trần Văn D về tội “Gá bạc” theo Đ b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Phí Đức H, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức P và Nguyễn Thế V về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện VKSND Hện L-ong Tài sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần VănD phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo Phí Đức H , Nguyễn Đình Đ , Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức P và Nguyễn Thế V phạm tội “Đánh bạc”

Áp dụng Đ b, c khoản 1 và khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Trần VănD từ 18 đến 21 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng, kể từ ngày T án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 25 đến 30 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, Điều 17, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phí Đức H và Nguyễn Đình Đ cùng từ 15 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, kể từ ngày T án sơ thẩm. Phạt bổ sung cùng từ 25 đến 30 triệu đồng

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, Điều 17, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Đức C, Nguyễn Đức P, Nguyễn Xuân T và Nguyễn Thế V cùng từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, kể từ ngày T án sơ thẩm. Phạt bổ sung cùng từ 15 đến 20 triệu đồng.

Giao các bị cáo Trần VănD, Nguyễn Đình Đ , Nguyễn Đức C, Nguyễn Đức P, Nguyễn Xuân T và Nguyễn Thế V cho UBND xã Y, Hện C, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phí Đức H cho UBND xã TC, Hện C, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn đường kính 1,5cm được cắt từ vỏ bao thuốc lá vinataba, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã qua sử dụng

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 32.510.000đ

- Trả lại bị cáoD 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng và 2.550.000đ; bị cáo C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Red Mi màu xám đã qua sử dụng; bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu xám đã qua sử dụng; bị cáo V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen đã qua sử dụng; bị

cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu đen đã qua sử dụng, 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng và 90.000đ; bị cáo H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng đã qua sử dụng, 310.000đ và 01 ví da đã qua sử dụng bên trong có 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phí Đức H, sinh năm 1988 ở Thiên Lộc – Trung Chính – C – Bắc Ninh. Nhưng tạm giữ điện thoại và tiền để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Trần Văn D, Phí Đức H, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức P và Nguyễn Thế V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi Kiểm sát viên trình bày luận tội, các bị cáo nhất trí với bản luận tội và không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Kiểm sát viên không tranh luận gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Hện C, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 01 giờ ngày 01/5/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hện C bắt quả tang tại nhà Trần Văn D tại X, xã Y, Hện C có 02 bàn bạc, cụ thể: Bàn bạc thứ nhất đánh sóc đĩa tại gian giữa phòng khách có các đối tượng Nguyễn Đức P, Nguyễn Đức C, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thế V là người cùng thôn với D và Phí Đức H ở Thiên Lộc, Trung Chính, C. Tổng số tiền các đối tượng đánh sóc đĩa sử dụng để đánh bạc là 30.020.000đ (trong đó có 2.800.000đ thu tại chiếu bạc và 27.220.000đ thu trên người các con bạc sử dụng để đánh bạc). Bàn bạc thứ hai đánh liêng tại nhà ngang có các đối tượng Trần Văn C, Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân Đ, Hoàng Văn H, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Thế V là người cùng thôn với D. Tổng số tiền các đối tượng đánh liêng sử dụng để đánh bạc là 2.490.000đ, trong đó có 800.000đ thu trên chiếu bạc và 1.690.000đ thu trên người các con bạc sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Trần Văn D mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc, nhưng đã sử dụng nhà của mình làm địa Đ cho hai bàn bạc đánh bạc cùng một lúc với tổng số tiền đánh bạc của cả hai bàn bạc là 32.510.000đ.

Do đó, đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phí Đức H, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức P và Nguyễn Thế V phạm tội: “Đánh bạc” vi phạm khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Trần Văn D phạm tội “Gá bạc” vi phạm Đ b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Mặc dù các bị cáo nhất thời phạm tội, không có sự bàn bạc, chuẩn bị trước hay rủ rê, lôi kéo, không có kẻ chủ mưu cầm đầu, các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn. Nhưng hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trên địa bàn dân cư, gây nhiều bất bình trong quần chúng nhân dân, là loại tệ nạn xã hội thường dẫn đến các loại tội phạm khác như trộm cắp, cướp của.... Vì vậy cần áp dụng chế tài hình sự nghiêm khắc với các bị cáo mới có tác dụng giúp cho các bị cáo nhận ra lỗi lầm, cải tạo thành người có ích, ngăn chặn những hậu quả xấu của tệ nạn cờ bạc, đảm bảo trật tự xã hội.

Mặc dù các bị cáo phạm tội chỉ là đồng phạm giản đơn, không có kẻ chủ mưu cầm đầu và nhất thời phạm tội nhưng xét theo vai trò của từng bị cáo thì bị cáo Trần Văn D mặc dù không tham gia đánh bạc, không thu lời từ việc cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình và các đối tượng vào nhà D đánh bạc khi D không có nhà, nhưng sau đó khi biết các đối tượng đánh bạc tại nhà mình thì do nể nang mà bị cáo đã cho các đối tượng đánh bạc tại nhà của mình với số lượng 2 bàn bạc và số tiền trên 30 triệu đồng. Do đó D phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Gá bạc” tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Còn trong nhóm các đối tượng đánh bạc thì được xác định theo vị trí, vai trò như sau: Trước hết là Phí Đức H là đối tượng vừa tham gia đánh bạc với số tiền 1.000.000đ, vừa sóc cái giúp đỡ H và các đối tượng khác đánh bạc với nhau; cùng vai trò với H là Nguyễn Đình Đ, mặc dù khi bị bắt Đ mới bỏ 1.200.000đ ra đánh bạc, nhưng số tiền 21.000.000đ thu trên người được Đ xác định là nếu thua hết số tiền trên chiếu thì sẽ tiếp tục bỏ ra đánh bạc; sau Đ là nhóm đối tượng đánh bạc với số tiền tương đương nhau Nguyễn Đức C đánh bạc với số tiền 1.640.000đ, Nguyễn Đức P đánh bạc với số tiền 1.300.000đ, Nguyễn Xuân T đánh bạc với số tiền 1.500.000đ (T đánh bạc 500.000đ và cho V vay 1.000.000đ để đánh bạc) và Nguyễn Thế V đánh bạc với số tiền 1.300.000đ (300.000đ của V và 1.000.000đ vay của T). Do đó các đối tượng H, Đ, C, P, T và V phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc tương xứng với vai trò và vị trí của từng bị cáo.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều là con nhà lao động, do ham vui nên nhất thời phạm tội. các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, ngoài D ra, còn các bị cáo Phí Đức H, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức P và Nguyễn Thế V đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo H, D, Đ đã từng tham gia quân ngũ, bảo vệ tổ quốc. Nên khi áp dụng hình cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với H, Đ; áp dụng Đ i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với C, T, P và V; áp dụng D s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với D, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Xét các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần áp

dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ giúp cho bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm.

Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền ở mức khởi Đ với các bị cáo.

Trong vụ án này, ngoài các bị cáo, còn có các đối tượng khác tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh liêng ở bàn bạc thứ 2 tại nhà Đình gồm: Trần Văn C, Nguyễn Đức T, Nguyễn Xuân Đ, Hoàng Văn H, Nguyễn Xuân Th và Nguyễn Thế Vũ. Nhưng xét các đối tượng đều chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc hoặc gá bạc, tổ chức đánh bạc; số tiền dùng vào việc đánh bạc dưới 5.000.000đ nên cơ quan điều tra chỉ xử phạt hành chính mà không xử lý về hình sự với các đối tượng là phù hợp.

Về vật chứng của vụ án: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn đường kính 1,5cm được cắt từ vỏ bao thuốc lá vinataba, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã qua sử dụng, được xác định là công cụ, phương tiện dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu tiêu hủy;

Số tiền thu trên 2 chiếu bạc là 3.600.000đ, thu của bị cáo C là 1.640.000đ, thu của bị cáo P là 1.000.000đ, thu của bị cáo Đ là 21.000.000đ, thu của bị cáo V là 1.500.000đ, 2.080.000đ bị cáo H nộp cho cơ quan điều tra, thu của đối tượng Nguyễn Đức T 510.000đ, thu của đối tượng Trần Văn C 580.000đ, thu của đối tượng Hoàng Văn H 600.000đ, được xác định là tiền đã, đang và sẽ dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng và 2.550.000đ của bị cáo Trần VănD; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Red Mi màu xám đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Đức C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu xám đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Đình Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thế V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu đen đã qua sử dụng, 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng và 90.000đ của bị cáo Nguyễn Xuân T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng đã qua sử dụng, 310.000đ và 01 ví da đã qua sử dụng bên trong có 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phí Đức H, sinh năm 1988 ở Thiên Lộc – Trung Chính – C – Bắc Ninh của bị cáo Phí Đức H, được xác định là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên cần T trả cho các bị cáo, nhưng tạm giữ điện thoại và tiền để đảm bảo thi hành án

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: - Bị cáo Trần VănD phạm tội “Gá bạc”.

- Các bị cáo Phí Đức H, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức P và Nguyễn Thế V phạm tội: “Đánh bạc”

Áp dụng Đ b, c khoản 1 và khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Trần Văn D 15 (mười lăm) tháng tù và phạt 20.000.000đ, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng, kể từ ngày T án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Phí Đức H 15 (mười lăm) tháng tù và phạt 10.000.000đ, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng, kể từ ngày T án sơ thẩm.

- Nguyễn Đình Đ 15 (mười lăm) tháng tù và phạt 10.000.000đ, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng, kể từ ngày T án sơ thẩm

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Đức C 12 (mười hai) tháng tù và phạt 10.000.000đ, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày T án sơ thẩm.

- Nguyễn Đức P 12 (mười hai) tháng tù và phạt 10.000.000đ, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày T án sơ thẩm.

- Nguyễn Xuân T 12 (mười hai) tháng tù và phạt 10.000.000đ, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày T án sơ thẩm.

- Nguyễn Thế V 12 (mười hai) tháng tù và phạt 10.000.000đ, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày T án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Văn D, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đức C, Nguyễn Đức P, Nguyễn Xuân T và Nguyễn Thế V cho UBND xã Y, Hện C, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phí Đức H cho UBND xã TC, Hện C, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn đường kính 1,5cm được cắt từ vỏ bao thuốc lá vinataba, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã qua sử dụng

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 32.510.000đ

- Trả lại bị cáo D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng và 2.550.000đ; bị cáo C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Red Mi màu xám đã qua sử dụng; bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips màu xám đã qua sử dụng; bị cáo V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đen đã qua sử dụng; bị

cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu đen đã qua sử dụng, 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng và 90.000đ; bị cáo H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng đã qua sử dụng, 310.000đ và 01 ví da đã qua sử dụng bên trong có 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phí Đức H, sinh năm 1988 ở TL – TC – C – Bắc Ninh. Nhưng tạm giữ điện thoại và tiền để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc Trần Văn D, Phí Đức H, Nguyễn Đình Đ, Nguyễn Đức C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức P và Nguyễn Thế V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Hện L- ơng Tài;
- THA Hện L- ơng Tài (khi án có hiệu lực);
- Bị cáo;
- L- u hồ sơ vụ án; Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Minh Phương

HTND

HTND

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hồ Thế Việt

Nguyễn Hữu Minh

L- ơng Minh Ph- ơng

